TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường và ông Nguyễn Mạnh Cường.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu H, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu H, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại : P trại giam S, T – Cục C – Bộ C1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đỗ Văn T *trình bày:*

Ông T và bà Nguyễn Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 11 năm 1992 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu H, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ khoảng năm 1999 thì hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Năm 2003, không hiểu vì lý do gì mà bà K thả các con xuống giếng, phải

đi chấp hành án phạt tù chung thân về tội giết người. Kể từ khi bà K đi chấp hành án phạt tù, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho ông và bà K ly hôn.

Về con chung ông T và bà K có 04 con chung: cháu Đỗ Thị M, sinh ngày 23/08/1993; cháu Đỗ Thị T1, sinh ngày 25/9/1997; cháu Đỗ Văn T2, sinh ngày 28/3/2000 và cháu Đỗ Văn K1, sinh ngày 09/01/2002. Cháu Đỗ Thị T1, Đỗ Văn T2 và Đỗ Văn K1 đều đã chết ngày 25/04/2003. Còn cháu Đỗ Thị M đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị K trình bày [BL 34]:

Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh P năm 1992. Trong quá trình chung sống, ông T hay áp bức và có hành vi bạo lực với bà. Nay ông T xin ly hôn, bà K không trình bày quan điểm gì về hôn nhân.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung. Các con chung ở nhà như thế nào mọi người đều biết, bà không trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình, đất nông nghiệp: Hiện nay bà K không trình bày quan điểm gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho ông Đỗ Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị K.

+ Về con chung: không xem xét giải quyết do con chung đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Ông Đỗ Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà K có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà K vắng mặt lần thứ hai (không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà K là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 14/11/1992, là hôn nhân hợp pháp. Từ khoảng năm 1999, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2003 thì bà K đã có hành vi thả các con xuống giếng dẫn đến phải chấp hành án phạt tù chung thân về tội giết người. Nay ông T có quan điểm xin được ly hôn, bà K không trình bày quan điểm gì nhưng có thể thấy, bà K và ông T ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho ông T được ly hôn bà K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: ông T và bà K có 04 con chung: cháu Đỗ Thị M, sinh ngày 23/08/1993; cháu Đỗ Thị T1, sinh ngày 25/9/1997; cháu Đỗ Văn T2, sinh ngày 28/3/2000 và cháu Đỗ Văn K1, sinh ngày 09/01/2002. Cháu Đỗ Thị T1, Đỗ Văn T2 và Đỗ Văn K1 đều đã chết ngày 25/04/2003. Còn cháu Đỗ Thị M đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, ông T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: Ông Đỗ Văn T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; còn bà Nguyễn Thị K không trình bày quan điểm hay ý kiến gì. Vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Văn T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị K.

[2] Về án phí: Ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003709 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Ông T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Sơn Cương.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan